

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯỚNG HÓA
TỈNH QUẢNG TRỊ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29 – 4 – 2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯỚNG HOÁ, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thanh Trung

2. Bà Hồ Thị Tư

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Đức Thiện – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Hoài M – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2022/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Q; sinh năm 1981; Địa chỉ: Khối 3, thị trấn K, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị; có mặt

- Bị đơn: Chị Phan Thị M; sinh năm 1982; Địa chỉ: Khối 3, thị trấn K, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Lê Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Q và chị M tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn K vào năm 2008. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã, chị M thường dùng lời lẽ xúc phạm anh Q dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể sống hòa thuận, anh Q đã 03 lần nộp đơn lên Tòa án yêu cầu giải Q được ly hôn chị M nhưng sau khi Tòa án hòa giải, phân tích anh đã đoàn tụ để cùng chị M xây dựng hạnh phúc gia đình, chung tay nuôi dạy con cái nhưng tính cách của chị M không thay đổi, thường hay kiêu cố gây gổ và xúc phạm anh, gây gổ với mẹ anh, làm cho cuộc sống gia đình ngột ngạt, mâu thuẫn mà ngày càng trầm trọng, thấy hạnh phúc gia đình không Đ3 được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên anh Q nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn chị M.

- Về con chung: Anh Q và chị M có 04 con chung Lê Thị Mỹ T1, sinh ngày 17/8/2009; Lê Ngọc T2, sinh ngày 05/01/2013; Lê Thành Đ3, sinh ngày 11/11/2014 và Lê Thị Ngọc Huyền, sinh ngày 26/10/2020. Anh Q là người có công việc và thu nhập ổn định, hiện đang có nhà ở chung với bà nội các cháu nên sau khi ly hôn, anh Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là Lê Thị Mỹ T1, Lê Ngọc T2, Lê Thành Đ3, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Giao cháu Lê Thị Ngọc Huyền cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh Q cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con thành niên.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn chị Phan Thị M trình bày:

- Về tình cảm: Chị M và anh Q xảy ra nhiều mâu thuẫn, đánh nhau là do mâu thuẫn giữa chị và mẹ chồng, còn giữa chị và anh Q không có mâu thuẫn trực tiếp, mặc dù từ mâu thuẫn của chị với mẹ chồng dẫn đến tình cảm vợ chồng chị không còn êm ấm như trước nhưng chị vẫn còn tình cảm với anh Q nên có nguyện vọng được đoàn tụ gia đình.

- Về con chung: Nếu trường hợp Tòa án xử cho anh Q ly hôn thì chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi các con số tiền 12.000.000 đồng/tháng cho đến khi con thành niên.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã được thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa được T2 hành công khai, công bằng. Bảo đảm sự vô tư, khách quan trong tố tụng dân sự. Đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48, 51, 203 của BLTTDS năm 2015.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tại phiên tòa: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị HĐXX xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho anh Lê Q được ly hôn với chị Phan Thị M.

Về con chung: Giao cháu Lê Thị Mỹ T1, sinh ngày 17/8/2009; Lê Ngọc T2, sinh ngày 05/01/2013 và Lê Thành Đ3, sinh ngày 11/11/2014 cho anh Lê Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con. Giao cháu Lê Thị Ngọc Huyền cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh Q cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con thành niên.

Về án phí DSST: Buộc anh Lê Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Q và chị M đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Khe Sanh năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau này mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Theo biên bản xác M ngày 25/02/2022 nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống khác nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau và tại phiên tòa, chị M cũng thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn bắt nguồn từ mâu thuẫn giữa chị và mẹ chồng, dẫn đến mâu thuẫn với anh Q và vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh nhau. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống gia đình của anh Q, chị M không hạnh phúc, vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Cho anh Lê Q được ly hôn chị Phan Thị M.

[3] Về con chung: Anh Q và chị M có 04 con chung tên là Lê Thị Mỹ T1, sinh ngày 17/8/2009; Lê Ngọc T2, sinh ngày 05/01/2013; Lê Thành Đ3, sinh ngày 11/11/2014 và Lê Thị Ngọc Huyền, sinh ngày 26/10/2020.

Tại biên bản xác M ngày 25/2/2022 tại UBND thị trấn Khe Sanh về nơi cư trú và nghề nghiệp của chị Q và anh M như sau: Hai anh chị hiện đang sống tại nhà bà Nguyễn Thị Hưu mẹ anh Q tại khối 3B, thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa; anh Q có cửa hàng sửa chữa điện cơ và có thu nhập ổn định. Chị M làm nghề tự do và nguồn thu nhập không được ổn định.

Theo biên bản lấy ý kiến của Tòa án đối với bà Nguyễn Thị Hưu (mẹ anh Q): Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì bà Hưu vẫn để anh Q sinh sống với bà tại ngôi nhà của bà, vì anh Q là con trai duy nhất của bà. Còn con dâu của bà là chị Phan Thị M bà không đồng ý để sống trong nhà mình.

Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của các con đủ 7 tuổi cháu Lê Thị Mỹ T1, Lê Ngọc T2 và Lê Thành Đ3: Hiện các cháu đều đang đi học tại các trường học ở thị trấn Khe Sanh và đang ở với bố mẹ. Cháu T1 mong muốn ở với bố mẹ, cháu T2 và cháu Đ3 mong muốn ở với mẹ.

Từ những kết quả phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù cháu Đ3 và T2 có nguyện vọng được ở với mẹ nhưng xét về điều kiện để các cháu phát triển đầy đủ về thể chất lẫn tinh thần và có chỗ ở ổn định để học tập nên cần giao các cháu Lê Thị Mỹ T1, Lê Ngọc T2 và Lê Thành Đ3 cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Q không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử thấy phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của chị M hiện tại nên cần chấp nhận.

Đối với cháu Lê Thị Ngọc Huyền, sinh ngày 26/10/2020 dưới 36 tháng tuổi. Vì vậy căn cứ Điều 58, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh Q tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Huyền số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu thành niên cần chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng trên của anh Q.

[4] Về tài sản chung: Anh Lê Q và chị Phan Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Buộc anh Lê Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 21; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, anh Lê Q được ly hôn chị Phan Thị M.

2. Về con chung:

- Giao cháu Lê Thị Mỹ T1, sinh ngày 17/8/2009; Lê Ngọc T2, sinh ngày 05/01/2013 và Lê Thành Đ3, sinh ngày 11/11/2014 cho anh Lê Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Giao cháu Lê Thị Ngọc Huyền, sinh ngày 26/10/2020 cho chị Phan Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Q cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 05/2022 cho đến khi cháu Huyền thành niên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà bên phải thi hành án chậm thi hành việc thực hiện nghĩa vụ nộp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về án phí: Anh Lê Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng tiền cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số CC/2021/0000061 ngày 06/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Anh Lê Q phải tiếp tục nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Hướng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hướng Hóa;
- UBND TT Khe Sanh;
- Lưu Tổ HCTP;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Ngọc

